

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 493/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 22-4-2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1313/2018/HNST ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tuấn S, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 189/14/12C đường Hoàng Hoa Thám, Phường Y, quận B, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 603/20 đường Lê Đức Thọ, Phường X, quận G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Tuấn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Tuấn S và ông Nguyễn Hoàng Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18/12/1993.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2016. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn H, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 23/02/2000. Tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà S vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ trình bày: Ông đồng ý như lời trình bày của bà S về vấn đề kết hôn, con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng ông xác định là có nhưng không đến mức phải ly hôn, ông xác định ông và bà S đã sống ly thân từ năm 2016. Ông mong muốn được hàn gắn tình cảm giữa hai vợ chồng, không muốn ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S thì ông không có ý kiến gì.

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn H, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 23/02/2000. Tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng Đ vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày nêu trên.

Những nội dung thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án: Theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Hoàng Thị Tuấn S và ông Nguyễn Hoàng Đ thì hiện nay ông Nguyễn Hoàng Đ sinh sống tại số 603/20 đường Lê Đức Thọ, Phường X, quận G, Thành phố H cùng con trai là Nguyễn H, bà Hoàng Thị Tuấn S cùng con gái Nguyễn Hoàng Minh T hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ

cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Hoàng Thị Tuấn S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Hoàng Thị Tuấn S và Nguyễn Hoàng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà S, ông Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hoàng Thị Tuấn S và ông Nguyễn Hoàng Đ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Tuấn S và ông Nguyễn Hoàng Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18/12/1993, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hiện nay bà S và ông Đ đã sống ly thân, vấn đề này cũng đã được Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận tại kết quả trả lời xác minh Công văn số 1313/TAQGV ngày 14/12/2018.

Mặt khác, bà Hoàng Thị Tuấn S cũng đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án trước đó vào tháng 5/2018 nhưng đã rút đơn đề hòa giải đoàn tụ nhưng không

thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hoà giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Điều này thể hiện bà S kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ. Ông Đ cũng xác định có sự mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, ông đề nghị được hòa giải đoàn tụ nhưng nhiều lần hòa giải đoàn tụ không thành, ông xác định không có ý kiến gì trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn H, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 23/02/2000. Tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Bà Hoàng Thị Tuấn S phải chịu án phí theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 203; khoản 3 Điều 208; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 51; Điều 54; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2; 6; 7; 9; 26 và 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Tuấn S được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ.

(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 107, do Ủy ban nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18/12/1993).

- Về con chung: có 02 con chung Nguyễn H, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 23/02/2000. Tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Tuấn S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0001169 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Sứ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị Tuấn S và ông Nguyễn Hoàng Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND phường 16, Quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức